

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/DS-ST.
Ngày: 04/06/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Ông Lâm Quang Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 04 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Tuyết N, sinh ngày: 01/01/1989 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: 094189012308, cấp ngày 28/6/2021.

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Phúc N1, sinh ngày 05/11/1991, (Vắng mặt) theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2026. Địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 02/09/1991 (Có mặt)

Căn cước công dân số: 094191004149

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/04/2026, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn ông Dương Phúc N1 trình bày:

Nguyên vào ngày 10/02/2022 thì bà Nguyễn Thị Thùy T có hỏi vay của bà Đào Tuyết N số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), hai bên tự thỏa

thuận lãi suất theo quy định của pháp luật. Mục đích bà T vay tiền để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, hai bên có thỏa thuận với nhau thời hạn vay tiền là khi nào bà N cần sử dụng thì bà N sẽ thông báo cho bà T biết trước một tháng để bà T chuẩn bị trả đủ cho bà N, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, đóng lãi hàng tháng. Việc thỏa thuận vay tiền có biên nhận tiền do chính bà T viết đưa cho bà N giữ. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay thì bà T không có đóng lãi cũng không trả lại tiền vốn vay cho bà N. Bà N đã nhiều lần nhắc nhở và đến nhà để yêu cầu bà T trả nợ cho bà N nhưng bà T chỉ hứa cho qua lẹ chứ không có thiện chí thực hiện việc trả nợ cho bà N.

Nguyên đơn bà N yêu cầu bà T trả số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất là 0.83%/tháng từ ngày vay 10/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 04/06/2026 là 04 năm 03 tháng 25 ngày = 12.906.500 đồng (Mười hai triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm đồng). Tổng số tiền bà N yêu cầu bà T trả là 42.906.500 đồng (Bốn mươi hai triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm đồng).

2/ Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Tôi thừa nhận là tôi có hỏi vay của bà Đào Tuyết N số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) như bà N trình bày. Do trước đây tôi và bà N là đồng nghiệp nên quen biết, bà N có cho tôi mượn số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 10/02/2022, theo bà N cung cấp biên nhận mượn tiền ngày 10/02/2022 là đúng tôi đã viết đưa cho bà N sau khi mượn tiền, lúc hỏi mượn tiền thì tôi chỉ nói khoảng một hai tháng sau trả lại cho bà N, sau một hai tháng tôi không có tiền trả lại nên bà N có kêu tôi trả lãi nhưng tôi không nhớ bà N nói mức lãi suất bao nhiêu, vì từ khi hỏi mượn tiền đến nay tôi chưa có trả lãi suất cho bà N số tiền nào hết. Đến thời điểm hiện nay tôi còn thiếu bà N số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tôi cũng thống nhất mức lãi suất bà N yêu cầu 0.83%/tháng từ ngày vay 10/02/2022 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 04/06/2026 là 04 năm 03 tháng 25 ngày = 12.906.500 đồng (Mười hai triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm đồng). Tôi đồng ý trả cho bà N tổng số tiền là 42.906.500 đồng (Bốn mươi hai triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm đồng). Hiện nay tôi đơn thân nuôi con nhỏ do đã ly hôn, thu nhập không ổn định nên không đủ khả năng trả một lần cho bà N số tiền còn nợ, xin trả dần số nợ này hàng tháng.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt; còn bị đơn có mặt đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định triệu tập của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Tuyết N, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Tuyết N. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T trả cho bà Đào Tuyết N số tiền vốn vay 30.000.000 đồng và lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 10/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/06/2026 trên số tiền 12.906.500 đồng, bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Đào Tuyết N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T địa chỉ cư trú tại khu vực T, phường N, thành phố Cần Thơ trả lại số tiền vay và lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo qui định tại các khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia. Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn ông Dương Phúc N1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà T trả số tiền vốn gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày vay 10/02/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm trên mức lãi suất 0.83%/tháng là 12.906.500 đồng, bà N yêu cầu bà T trả một lần. Bị đơn thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền vay 30.000.000 đồng và đồng ý trả lãi cho nguyên đơn 12.906.500 đồng nhưng trả một lần thì bà không có khả năng trả cho bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn bà N khởi kiện đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà bằng việc cung cấp chứng cứ gồm 01 biên nhận tiền lập ngày 10/02/2022 được viết tay trên giấy tập học sinh có nội dung “Tôi tên Nguyễn Thị Thùy T địa chỉ khóm T, phường B, tx N, Sóc Trăng có mượn của chị Đào Tuyết N, địa chỉ M, xã M, tx N, Sóc Trăng, số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Bên cạnh đó bà T đã thừa nhận ngày 10/02/2022 có hỏi vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng và có thỏa thuận lãi, đến nay chưa trả tiền cho bà N, và cũng không có khả năng trả một lần cho bà N. Đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhận thấy, bà T vay nợ của bà N chỉ hẹn một hai tháng trả nhưng đến nay chưa có khả năng trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Nên căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N buộc bị đơn bà T trả cho bà N số tiền vốn vay 30.000.000 đồng và lãi suất 12.906.500

đồng.

[3.2] Xét ý kiến của bị đơn bà Trần X trả dần số tiền cho bà N hàng tháng, nguyên đơn bà N không đồng ý nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà N không phải chịu án phí và nguyên đơn bà N được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.060.000 đồng (Một triệu, không trăm sáu chục nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006539 ngày 09/04/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Còn bị đơn bà T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí phải chịu 1.936.000 đồng (làm tròn).

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng các điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Tuyết N về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trả số tiền nợ vay.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T phải trả cho bà Đào Tuyết N số tiền còn nợ là 42.906.500 đồng (Bốn mươi hai triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm đồng) trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 12.906.500 đồng.

3/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đào Tuyết N không phải chịu án phí. Bà Đào Tuyết N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.060.000 đồng (Một triệu, không trăm sáu chục nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006539 ngày 09/04/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí số tiền 2.145.000 đồng (Hai triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 72/2026/QĐ-SCBSBA

Cần Thơ, ngày 15 tháng 06 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về số liệu trong bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2026/DSST ngày 04 tháng 06 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Tuyết N, sinh ngày: 01/01/1989

Căn cước công dân số: 094189012308, cấp ngày 28/6/2021.

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Dương Phúc N1, sinh ngày 05/11/1991, theo văn bản uỷ quyền ngày 15/01/2026. Địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 02/09/1991

Căn cước công dân số: 094191004149

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2026/DSST ngày 04 tháng 06 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ như sau:

Tại dòng thứ 12 trang 4 từ trên xuống của bản án đã ghi: “....số tiền án phí phải chịu 1.936.000 đồng (làm tròn).”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “....số tiền án phí phải chịu 2.145.000 đồng (làm tròn).”

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng